

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 28-10-2020

V/ v ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp
Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Lê Ngọc Kim Loan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn, nuôi con chung.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 56/2020/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2020/QĐXX-PT ngày 13 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hứa Thị C, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố ĐB, phường Đ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm MT, xã ML, Hện ĐH, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Lê Xuân N, sinh năm 1987

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố ĐB, phường Đ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Người kháng cáo: Anh Lê Xuân N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Hứa Thị C trình bày: Chị và anh Lê Xuân N kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có được đăng ký kết hôn tại UBND phường DB, thành phố Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do anh N mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy. Ngoài ra trong những lúc không có tiền sử dụng ma túy anh N còn chửi , đánh chị. Bản thân chị và gia đình đã giúp đỡ anh N cai nghiện tại nhà nhưng không có kết quả. Năm 2016 vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị C vẫn xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin được ly hôn với anh N để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Quang H, sinh ngày 28/8/2013.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Quang H, sinh ngày 28/8/2013 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Xuân N trình bày: Anh xác nhận những thông tin mà chị C trình bày về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chị C trình bày anh mắc tệ nạn xã hội là đúng, còn việc chị C cho rằng anh đánh đập chị C là không đúng. Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh N nhất trí ly hôn chị C vì anh không muốn cho con khổ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Quang H, sinh ngày 28/8/2013.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị C ly hôn, anh nhất trí để cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Quang H, sinh ngày 28/8/2013 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) vì bản thân anh mắc tệ nạn xã hội nên việc chăm sóc giáo dục con chung sẽ không tốt được như chị C.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị C là 1.500.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án số 56/2020/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Áp dụng các Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016 /NQ - UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Hứa Thị C.

Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Hứa Thị C được ly hôn anh Lê Xuân N.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị C và anh N về việc nuôi con chung: Giao cho chị Hứa Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Quang H, sinh ngày 28/8/2013 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của chị C và anh N về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về lãi chậm trả: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Về án phí: Chị C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002955 ngày 07/ 5/2020 tại C cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Anh N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch vào ngân sách nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 anh Lê Xuân N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần nuôi con, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Lê Quang H, sinh ngày 28/8/2013.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Anh N trình bày: Hiện nay anh ở cùng với bố mẹ đẻ, anh có nhà ở ổn định, công việc hàng ngày làm thợ xây có mức thu nhập khoảng sáu triệu đến bảy triệu/ tháng, đảm bảo điều kiện để nuôi con chung. Mặt khác cháu H từ nhỏ đến nay vẫn ở với anh, anh N xin trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu chị C nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đồng.

Chị C nhất trí để anh N trực tiếp nuôi con chung là Lê Quang H sinh ngày 28/8/2013 và nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 1.500.000đồng/ tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh N và chị C đã thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận kháng cáo của anh Lê Xuân N. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Hứa Thị C và anh Lê Xuân N về việc chăm sóc giáo dục con chung. Anh N phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Lê Xuân N làm trong hạn luật định, đã nộp đủ án phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Xét kháng cáo của anh Lê Xuân N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hứa Thị C. Chị Hứa Thị C được ly hôn với anh Lê Xuân N. Sau khi xét xử sơ thẩm hai bên không kháng cáo nội dung này, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Về con chung: Chị C và anh N trong quá trình chung sống có một con chung là Lê Quang H sinh ngày 28/8/2013. Hiện nay cháu H đang ở cùng gia đình anh N. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị C và anh N đã thỏa thuận về việc giao cho anh N trực tiếp chăm sóc con chung Lê Quang H, chị C nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N số tiền 1.500.000đồng/tháng.

Hội đồng xét xử thấy, việc thỏa thuận trách nhiệm chăm sóc con chung giữa chị C và anh N là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp với điều kiện sinh sống và học tập của cháu H nên được chấp nhận. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự.

Giao cháu Lê Quang H, sinh ngày 28/8/2013 cho anh Lê Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị C có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Chị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử phúc thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Án phí: Anh N phải chịu án phí phúc thẩm. Chị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 147, Điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Lê Xuân N. Công nhận sự thỏa thuận của anh Lê Xuân N và chị Hứa Thị C về việc nuôi con chung.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 56/2020/HNGĐ-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; 147; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hứa Thị C ly hôn với anh Lê Xuân N. Chị Hứa Thị C được ly hôn với anh Lê Xuân N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Quang H, sinh ngày 28/8/2013 cho anh Lê Xuân N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Hứa Thị C có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày xét xử đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đều xác định không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hứa Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị C đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002955 ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại C cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Chị C còn phải phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách nhà nước.

Anh Lê Xuân N phải chịu án 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại C cục thi hành án dân sự thành phố

Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, theo biên lai thu số 0003472 ngày 09 tháng 9 năm 2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP Thái Nguyên;
- THADS TP Thái Nguyên;
- UBND phường Đồng Bẩm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy- Bằng Công Hiệp

Lê Thị Hồng Phương

